

Bản án số: 49/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 10-8-2023

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Thu Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Biên

2. Bà Nguyễn Thị Vượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Mai Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Cẩm Vân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 207/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2023 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2023/QĐXX-ST ngày 21 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1959

Địa chỉ: P, xã S, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

2. Bị đơn: Ông Vũ Anh T, sinh năm 1957

Địa chỉ: Số 237A, H, phường Đ, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

(Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/5/2023, các lời khai tiếp theo, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: Bà đăng ký kết hôn với ông Vũ Anh T ngày 01/11/1980 tại Ủy ban nhân dân thị xã Bắc Giang, tỉnh Hà Bắc (nay là thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang). Việc kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau ngay. Thời gian đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận hạnh phúc. Mâu thuẫn của vợ chồng phát sinh từ năm 1995, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống,

thường hay xích mích cãi cọ. Mâu thuẫn trở nên trầm trọng hơn từ năm 2001 khi bà làm đơn yêu cầu ly hôn ông T, sau đó được hai bên gia đình hòa giải động viên bà đã rút đơn để vợ chồng đoàn tụ. Tuy nhiên sau khi về sống với nhau mâu thuẫn càng trở nên trầm trọng và không thể hòa giải. Từ năm 2017 bà đã chuyển ra sống riêng, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi ly hôn ông T.

Về con chung: Bà và ông T có 02 con chung là Vũ Đức Minh, sinh năm 1981 và Vũ Thị Cẩm Tú, sinh năm 1987, hiện nay các cháu đều đã trưởng thành và lập gia đình riêng nên bà không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai, các lời khai bị đơn ông Vũ Anh T trình bày: Về thời gian đăng ký kết hôn, quá trình chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như bà T trình bày là đúng. Từ năm 2017 bà T đã chuyển ra ở riêng, vợ chồng sống ly thân từ thời gian đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay bà T yêu cầu ly hôn ông xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông và bà T có 02 con chung là Vũ Đức Minh, sinh năm 1981 và Vũ Thị Cẩm Tú, sinh năm 1987, các con đều đã trưởng thành và lập gia đình riêng nên ông không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng ông tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến:

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa, Thẩm phán và Thư ký Tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về phía các đương sự, nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn vắng mặt tại phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, các Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, 272 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị T và ông Vũ Anh T.

- Về con chung, tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Ngoài ra còn đề xuất giải quyết về án phí và quyền kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị T có đơn xin ly hôn ông Vũ Anh T. Ông T có địa chỉ tại phường Đa Mai, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang nên quan hệ pháp luật là “Ly hôn” quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T và bị đơn ông Vũ Anh T đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Vũ Anh T đăng ký kết hôn ngày 01/11/1980 tại Ủy ban nhân dân thị xã Bắc Giang, tỉnh Hà Bắc (nay là thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang) trên cơ sở được tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện nên hôn nhân giữa bà T và ông T là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên bà T và ông T đã chấm dứt quan hệ tình cảm và kinh tế, sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Hai bên gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Nay bà T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được và xin ly hôn. Ông T cũng đồng ý ly hôn. Điều đó chứng tỏ cuộc sống vợ chồng giữa bà T và ông T đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, xử: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị T và ông Vũ Anh T.

[3] Về con chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Vũ Anh T có 02 con chung là Vũ Đức Minh, sinh năm 1981 và Vũ Thị Cẩm Tú, sinh năm 1987. Hiện nay, anh Minh và chị Tú đều đã trưởng thành, bà T và ông T đều không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bà T thuộc diện người cao tuổi nên không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị T và ông Vũ Anh T.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND thành phố Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS thành phố Bắc Giang;
- UBND TP Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự.
- Lưu Hồ sơ vụ án.
- Cổng thông tin điện tử Tòa án tối cao

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tạ Thị Thu Thủy